

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

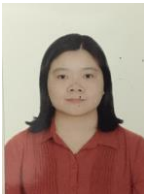
**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA KỶ IV NĂM 2018**

Thời gian: Từ 21/04 - 23/04/2018

NGHỀ : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN BẬC 3

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - ĐHCN ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	CNTT - 01	Vũ Thị Ngọc Anh	28/02/1982			x	013517300	08/03/2012	CA Hà Nội
2	CNTT - 02	Nguyễn Hải Bằng	03/11/1975		x		012246809	29/12/2012	CA Hà Nội
3	CNTT - 03	Hoàng Thị Cúc	11/10/1984			x	034184008390	24/08/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
4	CNTT - 04	Nguyễn Văn Cường	01/04/1986		x		001086013879	08/08/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	CNTT - 05	Đỗ Phương Dung	01/08/1981			x	013654248	11/07/2013	CA Hà Nội
6	CNTT - 06	Vũ Ánh Dương	04/10/1985		x		037085001078	07/06/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	CNTT - 07	Nguyễn Thị Bích Hà	03/05/1980			x	012071892	09/11/2006	CA Hà Nội
8	CNTT - 08	Hoàng Thị Hải	08/11/1973			x	001173008566	07/06/2016	Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
9	CNTT - 09	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	30/08/1978			x	001178002564	24/09/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
10	CNTT - 10	Vũ Thị Hồng Hạnh	05/07/1983			x	001183019397	11/10/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	CNTT - 11	Nguyễn Thị Minh Hiền	01/11/1978			x	011963009	14/02/2009	CA Hà Nội
12	CNTT - 12	Phạm Huy Hiễn	26/10/1985		x		001085004882	04/02/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	CNTT - 13	Đặng Xuân Hoàn	15/11/1974		x		001074010226	21/06/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
14	CNTT - 14	Lê Huy Hoàng	03/03/1974		x		013659349	15/08/2013	CA Hà Nội
15	CNTT - 15	Đỗ Đăng Hoạt	22/07/1984		x		111869005	16/07/2011	CA Hà Nội
16	CNTT - 16	Nguyễn Thị Thúy Hồng	27/03/1983			x	017183000602	20/03/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	CNTT - 17	Lê Văn Huấn	10/09/1976		x		145202746	26/06/2008	CA Hưng Yên
18	CNTT - 18	Nguyễn Hoàng Hương	15/11/1977			x	026177000170	05/03/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
19	CNTT - 19	Cao Thanh Hưởng	20/01/1981		x		037081002012	21/04/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	CNTT - 20	Nguyễn Xuân Khôi	10/11/1986		x		164277195	08/09/2006	CA. Ninh Bình
21	CNTT - 21	Nguyễn Ngọc Kiên	20/10/1983		x		037083001188	10/06/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
22	CNTT - 22	Đoàn Xuân Luận	01/10/1984		x		037084003517	03/10/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
23	CNTT - 23	Trần Thị My	15/09/1988			x	112250043	25/09/2007	CA Hà Tây
24	CNTT - 24	Trần Thị Nghĩa	27/09/1986			x	035186000886	12/07/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
25	CNTT - 25	Ngô Thị Bích Ngọc	27/05/1986			x	111724739	07/05/2011	CA Hà Nội
26	CNTT - 26	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/09/1983			x	026183002390	27/07/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
27	CNTT - 27	Nguyễn Thanh Sơn	04/12/1975		x		012562744	02/03/2007	CA Hà Nội
28	CNTT - 28	Nguyễn Văn Thái	23/6/1985		x		037085001553	21/09/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	CNTT - 29	Lý Hồng Thắng	10/08/1978		x		012108000	26/7/2007	CA Hà Nội
30	CNTT - 30	Vũ Văn Thắng	02/11/1976		x		151810528	04/08/2005	CA Thái Bình
31	CNTT - 31	Phan Huy Thành	20/07/1981		x		164108946	28/06/2013	CA. Ninh Bình
32	CNTT - 32	Phạm Thị Thoa	15/08/1985			x	164225482	28/07/2005	CA. Ninh Bình
33	CNTT - 33	Lê Thị Thúy	20/04/1988			x	112302243	21/02/2006	CA Hà Tây
34	CNTT - 34	Phạm Thị Thanh Trà	05/08/1978			x	017456821	13/04/2013	CA Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
35	CNTT - 35	Trần Thị Thúy Vân	12/01/1987			x	131513556	10/04/2018	CA Phú Thọ
36	CNTT - 36	Nguyễn Anh Văn	21/12/1985		x		037085001171	24/06/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
37	CNTT - 37	Phù Xuân Vĩnh	28/02/1974		x		001074001732	04/07/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư